

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 327/2025/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:- Chị NHH, sinh năm 2000;

Địa chỉ: P5F6 TTTL TL, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội.

- Anh NVT, sinh năm 1999;

Địa chỉ: TB, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị NHH và anh NVT lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2023 tại UBND phường TXT (nay là UBND phường TX), quận TX, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Đến nay anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị NHH và anh NVT có 01 con chung là cháu NĐV, sinh ngày 23/04/2024. Ly hôn, anh chị thống nhất giao 01 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T cấp dưỡng bao nhiêu là tùy trách nhiệm của anh T đối với con. Anh T tự nguyện đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (ba triệu) đồng mỗi tháng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên được ghi nhận.

[3] Về tài sản và nhà đất chung: chị H, anh T trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: chị H, anh T xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị NHH tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Sự tự nguyện của chị H là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị NHH và anh NVT cùng thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: : Chị NHH và anh NVT có 01 con chung là cháu NDV, sinh ngày 23/04/2024. Ly hôn, anh chị thống nhất giao 01 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T tự nguyện đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (ba triệu) đồng mỗi tháng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

[1.3] Về tài sản và nhà ở chung: Chị H, anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4] Về nợ chung: Chị H, anh T xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0037435 ngày 26/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận TX, Hà Nội (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2- Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 2- Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 2- Hà Nội;
- UBND phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hiền